

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học,
hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Công văn số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/7/2021 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân liên quan trong đào tạo trình độ đại học theo hình thức đào tạo chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *OK*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Đại học Đà Nẵng (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, ĐT. *an*

HIỆU TRƯỞNG



[Signature]
PGS.TS. Lưu Trang

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1586/QĐ-ĐHSP ngày 30 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trường), bao gồm: chương trình đào tạo (CTĐT) và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với sinh viên.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường; các tổ chức, cá nhân liên quan trong đào tạo trình độ đại học theo hình thức đào tạo chính quy từ khóa tuyển sinh 2021 của Trường. Các CTĐT do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng bao gồm cả các chương trình liên kết đào tạo được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. CTĐT được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó gồm có các học phần bắt buộc, các học phần tự chọn (học phần tự chọn tự do và học phần tự chọn bắt buộc) và đáp ứng chuẩn CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và quy định của Trường.

a) Học phần bắt buộc: là học phần sinh viên bắt buộc phải đăng ký học tập và tích lũy cho mỗi CTĐT.

b) Học phần tự chọn tự do: là học phần sinh viên tự chọn đăng ký học tập hay không tùy theo nhu cầu để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho mỗi CTĐT.

c) Học phần tự chọn bắt buộc: là học phần sinh viên chỉ đăng ký chọn đủ số tín chỉ theo quy định của CTĐT.

d) Học phần tương đương: là một hay một nhóm học phần thuộc CTĐT của một khoa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại Trường, được phép tích lũy để thay cho một hay một nhóm học phần trong CTĐT. Học phần tương đương phải có nội dung giống nhau ít nhất 80% và có số tín chỉ bằng nhau.

đ) Học phần thay thế: là học phần được sử dụng thay thế cho một học phần hoặc một nhóm học phần trong CTĐT khóa trước nhưng khóa sau không còn được tổ chức giảng dạy hoặc đã cập nhật, thay đổi.

e) Học phần tiên quyết: học phần A là học phần tiên quyết của học phần B thì sinh viên phải học và đạt (tích lũy) học phần A trước khi đăng ký học học phần B.

g) Học phần học trước: học phần A là học phần trước của học phần B thì sinh viên phải học học phần A trước khi đăng ký học học phần B.

h) Học phần song hành: Học phần B là học phần song hành với học phần A thì sinh viên phải đăng ký học học phần B cùng với học phần A trong cùng một học kỳ.

2. Khối lượng học tập của CTĐT, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong CTĐT được xác định bằng số tín chỉ.

a) Khối lượng học tập tối thiểu của mỗi CTĐT là 130 tín chỉ.

b) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá.

c) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

d) Nội dung, chuẩn đầu ra của CTĐT được áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở so sánh CTĐT người học đã hoàn thành với CTĐT hiện hành của Trường và xét công nhận những tín chỉ người học đã tích lũy trong CTĐT trước.

3. Trường công khai thông tin các CTĐT tại trang thông tin điện tử của Trường gồm:

a) Công bố trước khi tuyển sinh: mục tiêu, chuẩn đầu ra, ngôn ngữ đào tạo, tổng số tín chỉ toàn CTĐT, tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu của CTĐT, tổng số tín chỉ bắt buộc, tổng số tín chỉ tự chọn, kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa, thông tin các học phần (số tín chỉ, bắt buộc hay tự chọn, điều kiện tham gia học phần...), văn bằng, các yêu cầu đối với người học, thời gian tối đa được phép học;

b) Công bố những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến CTĐT được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

4. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa: 4 năm.

5. Thời gian tối đa sinh viên được phép học: không quá 8 năm.

Điều 3. Phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ

1. Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện CTĐT theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

2. Sinh viên học không đạt học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học học phần tương đương theo quy định trong CTĐT, hoặc học học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

3. Sinh viên học không đạt học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học học phần tự chọn khác theo quy định trong CTĐT.

Điều 4. Hình thức đào tạo

1. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường. Riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường.

2. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy tại Trường: trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của CTĐT được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.

3. Đối với các ngành ưu tiên đào tạo phục vụ nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương II **LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY**

Điều 5. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Kế hoạch đào tạo chi tiết hóa việc tổ chức thực hiện các CTĐT theo năm học, học kỳ, phù hợp với hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả hình thức và CTĐT.

2. Một năm học có 02 học kỳ chính (học kỳ 1, học kỳ 2) và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè). Tổng số tuần lên lớp của 02 học kỳ chính là 30 tuần; số tuần lên lớp tối thiểu của học kỳ hè là 6 tuần. Quy định về học kỳ phụ (học kỳ hè) được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khóa học, CTĐT và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

4. Thời khóa biểu của các lớp học phân bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

5. Trước mỗi năm học, Trường công bố kế hoạch đào tạo năm học tại các trang thông tin điện tử của Trường.

Điều 6. Tổ chức đăng ký học tập

1. Tổ chức lớp học

a) Lớp sinh hoạt: là lớp được tổ chức cho sinh viên cùng khóa học, cùng ngành được duy trì ổn định trong cả khóa học.

b) Lớp học phần: là lớp được tổ chức cho sinh viên đăng ký học cùng một học phần theo từng học kỳ. Số lượng tối thiểu của mỗi lớp học phần là 15 sinh viên (trừ một số trường hợp đặc biệt).

2. Phương thức đăng ký

a) Đăng ký mặc định: Trường đăng ký các lớp học phần ở học kỳ đầu tiên cho sinh viên khóa mới.

b) Tự đăng ký: sinh viên được hướng dẫn và tự đăng ký khối lượng học tập từ học kỳ thứ hai trở đi theo kế hoạch đã được ban hành.

3. Loại học phần đăng ký

Sinh viên học theo tín chỉ phải đăng ký lớp học phần dự định sẽ học trong học kỳ, gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (học lại để cải thiện điểm, nếu có) căn cứ danh sách lớp học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

4. Tổ chức đăng ký

a) Điều chỉnh kế hoạch: căn cứ Khung chương trình và Kế hoạch đào tạo chuẩn toàn khóa Nhà trường đã công bố, sinh viên tiến hành điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân (nếu có). Việc tổ chức cho sinh viên điều chỉnh kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa, điều chỉnh kế hoạch học tập để học lại, học lại để cải thiện điểm được thực hiện 02 đợt trong một học kỳ: đợt 1 bắt đầu trước khi Nhà trường xây dựng báo giảng cho học kỳ tiếp theo, đợt 2 sinh viên thực hiện trong đợt đăng ký khối lượng học tập. Đăng ký chính thức: được thực hiện ở gần cuối học kỳ trước, đăng ký kế hoạch học tập cho học kỳ sau. Sinh viên đăng ký qua hệ thống quản lý đào tạo của Trường.

b) Đăng ký bổ sung: trong tuần đầu tiên của học kỳ chính, Phòng Đào tạo đăng ký bổ sung cho sinh viên học học kỳ đầu tiên ở chương trình thứ hai, sinh viên nghỉ học tạm thời (ngoại trừ vì lý do cá nhân) mới quay lại học tập, sinh viên bị ốm đau hoặc gia đình có biến cố trong thời gian đăng ký học. Các trường hợp này phải có minh chứng kèm theo.

5. Khối lượng đăng ký

a) Học kỳ chính: sinh viên đăng ký tối thiểu 10 tín chỉ và tối đa là 25 tín chỉ.

b) Học kỳ phụ: sinh viên đăng ký không quá 12 tín chỉ.

c) Quy định về Khối lượng học tập không áp dụng cho các trường hợp sau: tổng số tín chỉ chưa tích lũy của sinh viên ít hơn khối lượng học tập tối thiểu hoặc không có lớp học phần mà sinh viên bắt buộc phải đăng ký học.

6. Rút bớt học phần

a) Thời gian: tuần thứ 4 của mỗi học kỳ chính.

b) Đối tượng: sinh viên thuộc diện cảnh báo học vụ (nếu có nhu cầu).

c) Điều kiện: đáp ứng quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

d) Quy định về rút bớt học phần không áp dụng cho các học phần Kiến tập sư phạm, Thực tập sư phạm, Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp.

Điều 7. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập

a) Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân liên quan trong đào tạo trình độ đại học theo hình thức đào tạo chính quy phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên theo Quy định hiện hành. Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

b) Việc thanh tra, giám sát và cải tiến đảm bảo chất lượng được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.

2. Tổ chức dạy và học trực tuyến thực hiện theo quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng hiện hành của Trường. Tổng số tín chỉ của các học phần tích lũy được ở lớp học trực tuyến không được vượt quá 30% tổng số tín chỉ của toàn CTĐT. Trong trường hợp đặc biệt (thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác), Trường thực hiện theo hướng dẫn của Đại học Đà Nẵng, của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Phân công giảng dạy các lớp học phần được thực hiện theo Quy định hiện hành.

4. Yêu cầu đối với sinh viên

a) Tuân thủ nội quy lớp học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, địa điểm thực tập của Trường; tuân thủ nội quy của cơ sở thực tập, hướng dẫn của cán bộ của cơ sở thực tập hoặc giảng viên/cán bộ hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, thực tập.

b) Tham gia đầy đủ các hoạt động (học, thảo luận, làm bài tập, làm bài tiểu luận, làm bài kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ...) của lớp học được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

c) Tuân thủ quy định của Trường về liêm chính học thuật.

d) Tham gia các khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học phần.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 8. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, Trường quy định trong đề cương chi tiết học phần các điểm thành phần đánh giá, trọng số của mỗi điểm thành phần, phương pháp đánh giá và hình thức đánh giá. Số lượng các điểm thành phần ít nhất là hai, riêng các học phần ít hơn 2 tín chỉ thì có thể chỉ có một điểm đánh giá. Ở buổi học đầu tiên của lớp học phần, giảng viên phụ trách lớp học phần công bố đề cương chi tiết cho sinh viên. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10, điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định cách tính với trọng số như sau:

a) Học phần thực hành, thực tế chuyên môn, đồ án, Kiến tập sư phạm, Thực tập sư phạm, Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp được đánh giá qua hai điểm thành phần.

b) Các trường hợp còn lại:

- Tổng trọng số điểm đánh giá quá trình và điểm giữa kỳ là 0,5, trong đó: trọng số điểm đánh giá quá trình là 0,2 và điểm giữa kỳ là 0,3 hoặc ngược lại. Trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần;

- Trọng số điểm thi Kết thúc học phần là 0,5.

2. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần, trong trường hợp đặc biệt (thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác), Trường thực hiện theo hướng dẫn của Đại học Đà Nẵng, của Bộ Giáo dục và Đào tạo; riêng các học phần được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

3. Trường hợp vắng thi

a) Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng nhận điểm 0 đối với điểm thành phần vắng thi.

b) Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng và hoàn thành thủ tục hoãn thi theo quy định của Trường thì được dự thi, đánh giá ở một đợt khác trong vòng tối đa hai học kỳ chính liên tiếp và được tính điểm lần đầu.

4. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này. Điểm thành phần được chấm theo thang điểm 10 và làm tròn tới một chữ số thập phân.

STT	Điểm theo thang 10	Điểm theo thang chữ	Điểm theo thang 4
1	Từ 9,5 đến 10,0	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 9,4	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
9	Dưới 4,0	F	0,0

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập: P: từ 5,0 trở lên (Điểm theo thang 10).

c) Loại không đạt: F.

d) Các trường hợp sử dụng các điểm chữ xếp loại và không lấy để tính vào điểm trung bình học tập trong học kỳ:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

5. Học lại và học lại để cải thiện điểm

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 của quy định này. Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần.

b) Sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm. Điểm cao nhất trong các lần học được công nhận là điểm chính thức của học phần.

6. Việc tổ chức thi, kiểm tra, bao gồm quy định về thời gian ôn thi và thời gian thi, làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc tra (nếu có), bảo quản bài thi, hoãn thi và miễn thi thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 9. Đánh giá kết quả học tập và xếp loại

1. Tiêu chí đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của CTĐT mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí dưới đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Tính điểm trung bình

a) Điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình tích lũy, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số theo thang điểm 4 được quy định tại khoản 4 Điều 8 của Quy định này.

b) Những điểm chữ không được quy định tại khoản 4 Điều 8 không được tính vào các điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

c) Điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n (d_i \cdot t_i)}{\sum_{i=1}^n t_i}$$

Trong đó:

- A là điểm trung bình học kỳ hoặc điểm trung bình tích lũy;
- d_i là điểm (theo thang điểm 4) của học phần thứ i ;
- t_i là số tín chỉ của học phần thứ i ,
- n là tổng số học phần được xác định cho mỗi loại điểm như sau:

+ Đối với điểm trung bình học kỳ: gồm những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ, được tính đối với điểm chính thức của học phần theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 trừ các trường hợp có điểm I hoặc X hoặc R. Học phần học trong học kỳ phụ được tính chung với học kỳ chính liền kề trước nó.

+ Điểm trung bình tích lũy: gồm những học phần đã tích lũy tính từ đầu khóa học, tính theo điểm chính thức cao nhất của các học phần sinh viên đã tích lũy từ đầu khóa học, kể cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ.

d) Xếp loại học lực đối với sinh viên đào tạo theo tín chỉ

Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, hoặc điểm trung bình tích lũy theo thang điểm 4 như sau:

Từ 3,60 đến 4,00:	Xuất sắc;
Từ 3,20 đến 3,59:	Giỏi;
Từ 2,50 đến 3,19:	Khá;
Từ 2,00 đến 2,49:	Trung bình;
Từ 1,00 đến 1,99:	Yếu;
Dưới 1,00:	Kém.

đ) Xếp trình độ năm học

Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (ký hiệu là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn sinh viên được xếp trình độ năm học như sau:

Trình độ năm thứ 1	$N < 33$
Trình độ năm thứ 2	$33 \leq N < 66$
Trình độ năm thứ 3	$66 \leq N < 99$
Trình độ năm thứ 4	$99 \leq N$

3. Những học phần không nằm trong yêu cầu của CTĐT không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên, nhưng được Trường ghi nhận kết quả học theo nhu cầu mở rộng, nâng cao kiến thức của sinh viên.

Điều 10. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

1. Ở tuần thứ 3 của mỗi học kỳ chính, căn cứ kết quả học tập của sinh viên, Trường tổ chức xét học vụ cho học kỳ liền trước để xếp loại học lực, cảnh báo kết quả học tập hoặc bị buộc thôi học.

2. Sinh viên thuộc diện cảnh báo kết quả học tập nếu rơi vào một trong số trường hợp sau đây:

a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ;

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba hoặc dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo;

d) Những quy định về cảnh báo học tập tại các điểm a, b và c của Điều này không áp dụng đối với sinh viên học hết thời gian chuẩn của CTĐT.

3. Sinh viên thuộc diện buộc thôi học nếu rơi vào một trong số các trường hợp sau:

a) Tính từ đầu khóa học tới thời điểm xét học vụ, sinh viên đã thuộc diện cảnh báo học tập 2 lần và có kết quả học tập rơi vào các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Sinh viên thuộc diện đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh, sinh viên quốc tế, sinh viên tới thời điểm xét học vụ có điểm trung bình tích lũy từ 1,90 trở lên và số tín chỉ tích lũy từ 115 trở lên, được thêm một lần cảnh báo kết quả học tập so với quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này nhưng không được vượt quá 2 lần cảnh báo liên tiếp;

c) Hết thời gian học tập tối đa được phép học tại Trường theo quy định tại khoản 5, Điều 2 của Quy định này nhưng chưa hoàn thành CTĐT;

d) Không thuộc diện tạm ngừng học mà không đăng ký học tập trong một học kỳ chính;

đ) Hết thời gian nghỉ học tạm thời nhưng không làm thủ tục học tập trở lại;

e) Điểm thành phần của tất cả các học phần đã đăng ký trong học kỳ đều bằng 0 (theo thang điểm 10);

g) Đối với sinh viên đã học hết thời gian chuẩn của CTĐT thì không áp dụng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e của Điều này. Tuy nhiên, những sinh viên này không thuộc diện tạm ngừng học mà không đăng ký học tập trong hai học kỳ chính liên tiếp thì bị buộc thôi học;

h) Sinh viên bị buộc thôi học được phép bảo lưu kết quả học tập đã tích lũy trong thời gian đào tạo tại Trường.

Điều 11. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một CTĐT khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong CTĐT theo học.

2. Trường thành lập Hội đồng chuyên môn để xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện CTĐT theo các cấp độ:

a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;

b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;

c) Công nhận, chuyển đổi theo cả CTĐT.

3. Khối lượng tín chỉ tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của CTĐT; riêng đối với ngành đào tạo giáo viên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Quy trình, thủ tục tiếp nhận đề nghị công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ và kết quả giải quyết được công bố công khai tại trang thông tin điện tử của Trường.

Điều 12. Thực tập cuối khóa và khóa luận

1. Thực tập cuối khóa hay còn gọi là thực tập tốt nghiệp (đối với khối ngành cử nhân) và thực tập sư phạm (đối với khối ngành sư phạm) là một học phần mà sinh viên đăng ký học phải thỏa mãn các điều kiện đã được quy định trong từng CTĐT và đạt trình độ sinh viên năm thứ 3 (tích lũy tối thiểu 98 tín chỉ).

2. Khóa luận tốt nghiệp: là học phần tự chọn mà sinh viên đăng ký học phải thỏa mãn các điều kiện đã được quy định trong từng CTĐT; đạt trình độ sinh viên năm thứ 3 (tích lũy tối thiểu 98 tín chỉ) và điểm trung bình tích lũy từ 2,50 trở lên.

3. Quy trình, thủ tục đánh giá thực tập cuối khóa và khóa luận thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.

Điều 13. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ các học phần bắt buộc, tự chọn bắt buộc, đạt tối thiểu 130 tín chỉ trong CTĐT được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2 của Quy định này và đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

b) Đạt Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin theo quy định hiện hành;

c) Hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh và Giáo dục thể chất tương ứng với trình độ đào tạo và được công nhận trên phạm vi cả nước đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục thể thao;

d) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

e) Những sinh viên có đủ điều kiện xét tốt nghiệp sớm hoặc trễ hơn so với kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa thì phải làm đơn xin xét tốt nghiệp;

g) Những sinh viên tốt nghiệp đúng theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nhưng vẫn muốn tiếp tục học để cải thiện điểm trung bình tích lũy thì phải làm đơn xin hoãn xét công nhận tốt nghiệp.

2. Thời gian xét tốt nghiệp được thực hiện theo Kế hoạch đào tạo năm học của Trường.

3. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Trường.

4. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa được quy định tại như sau:

a) Từ 3,60 đến 4,00: Xuất sắc;

b) Từ 3,20 đến 3,59: Giỏi;

c) Từ 2,50 đến 3,19: Khá;

d) Từ 2,00 đến 2,49: Trung bình.

Trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy thuộc loại xuất sắc hoặc giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Tổng số tín chỉ của các học phần học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình (từ 7 tín chỉ trở lên);

- Sinh viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

5. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh hoặc

Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin trong thời hạn 03 năm tính từ khi được xác nhận hoàn thành CTĐT được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị Trường xét công nhận tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp, nếu có nhu cầu sẽ được Trường cấp chứng nhận về kết quả học các học phần trong CTĐT đã tích lũy.

7. Sinh viên trình độ đại học theo hình thức đào tạo chính quy hết thời gian học nhưng còn đủ thời gian để học theo hình thức vừa làm vừa học và nếu có nhu cầu thì được phép đề nghị Trường chuyển sang đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học. Sinh viên thực hiện theo quy trình công bố tại trang thông tin điện tử của Trường.

8. Quy trình, thủ tục tiếp nhận đề nghị công nhận kết quả học tập, chuyển đổi tín chỉ, chuyển đổi hình thức đào tạo, xét và công nhận tốt nghiệp được công bố công khai tại trang thông tin điện tử của Trường.

Chương IV **NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN**

Điều 14. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được đề nghị Trường xét nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã học tối thiểu 01 học kỳ ở Trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật;
- đ) Thời hạn thực hiện thủ tục nghỉ học tạm thời, giải quyết đề nghị xét nghỉ học tạm thời như sau:

- Sinh viên nghỉ học tạm thời vì lý do cá nhân: phải hoàn thành thủ tục nghỉ học tạm thời nộp trước tuần thứ 4 của học kỳ chính xin nghỉ học tạm thời;

- Sinh viên nghỉ học tạm thời vì các lý do nêu ở điểm a, b, c khoản 1 Điều này: phải hoàn thành thủ tục ngừng học không quá 2 tuần kể từ khi phát sinh lý do xin nghỉ học tạm thời. Các trường hợp đặc biệt sẽ do Trường xem xét quyết định;

- Sinh viên chỉ được nghỉ học tạm thời khi có quyết định của Nhà trường.

e) Sinh viên đang nghỉ học tạm thời sẽ bị hủy tất cả học phần của học kỳ xin nghỉ học;

g) Thời gian (tính theo đơn vị học kỳ) ghi trong mỗi quyết định của Trường cho phép sinh viên nghỉ học tạm thời là thời gian vừa đủ để sinh viên thực hiện nhiệm vụ trong lực lượng vũ trang hoặc thai sản; một học kỳ đối với trường hợp bị ốm, tai nạn hoặc nghỉ học tạm thời vì lý do cá nhân;

h) Tổng số học kỳ sinh viên được phép nghỉ học tạm thời phụ thuộc vào lý do ngừng học, thời gian sinh viên đã học và xếp hạng năm đào tạo của sinh viên;

i) Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 5, Điều 2 của Quy định này;

k) Sinh viên đang nghỉ học tạm thời vì lý do cá nhân được phép đề nghị Trường xét gia hạn nghỉ học tạm thời thêm 01 học kỳ nhưng không quá 02 học kỳ liên tiếp.

2. Trở lại học tập

a) Đối với sinh viên hết thời gian nghỉ học tạm thời vì lý do cá nhân phải hoàn thành thủ tục trở lại học tập ít nhất 1 tuần trước ngày bắt đầu đợt đăng ký học cho học kỳ muốn trở lại học.

b) Đối với sinh viên nghỉ học tạm thời vì lý do khác còn lại, sinh viên được phép hoàn thành thủ tục trở lại học tập muộn hơn nhưng phải hoàn thành trong tuần đầu tiên ở học kỳ trở lại học tập.

3. Thôi học

a) Sinh viên được xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỉ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

b) Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân trước 04 tuần của học kỳ được hủy các tín chỉ đã đăng ký.

Điều 15. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một CTĐT hoặc một ngành khác trong Trường khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của CTĐT hoặc của ngành (muốn chuyển sang) ở cùng khóa tuyển sinh và đáp ứng yêu cầu riêng của CTĐT;

c) Ngành, CTĐT muốn chuyển sang có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Trường Khoa quản lý CTĐT nơi sinh viên chuyển đi và chuyển đến và của Hiệu trưởng.

2. Sinh viên được xem xét chuyển Trường khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của CTĐT cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến và đáp ứng yêu cầu riêng của CTĐT;

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng Nhà trường và Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của Trường nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển sang.

Điều 16. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo

1. Sinh viên của Trường được quyền học tại các trường đại học có ký kết với Trường về hợp tác trong đào tạo và được công nhận các tín chỉ học đạt tại các trường này, nếu có đủ các điều kiện quy định.

2. Danh sách các trường có ký kết hợp tác với Trường, điều kiện sinh viên được học tại trường đại học khác, quy trình thực hiện đăng ký học tại trường đại học khác, quy trình xét công nhận tín chỉ được công bố tại trang thông tin điện tử của Trường.

3. Tổng số tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác (nếu có) không được vượt quá 25% tổng số tín chỉ yêu cầu của CTĐT.

4. Điểm học phần sinh viên học tại trường đại học khác được lấy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên (đánh giá theo học kỳ, năm học, khóa học) sau khi được quy đổi về CTĐT của sinh viên học tại Trường.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Đối với phương thức đào tạo theo tín chỉ, nếu có nguyện vọng sinh viên có thể đăng ký xét học CTĐT thứ hai (trong Trường hoặc trường thành viên ĐHĐN) khi thỏa mãn đồng thời các yêu cầu sau đây:

a) Điều kiện đảm bảo chất lượng của Trường hoặc trường thành viên ĐHĐN đối với CTĐT mà sinh viên muốn học chương trình thứ hai;

b) Tại thời điểm đăng ký, sinh viên được xếp trình độ từ năm thứ hai của CTĐT thứ nhất; phải có điểm trung bình tích lũy từ 2,50 trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của CTĐT thứ hai trong năm tuyển sinh hoặc phải có điểm trung bình tích lũy từ 2,00 trở lên và phải đáp ứng điều kiện trúng tuyển của CTĐT thứ hai trong năm tuyển sinh.

2. Sinh viên có nguyện vọng và đạt điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải thực hiện thủ tục đề nghị xét học CTĐT thứ hai theo quy định của Trường hoặc của trường thành viên ĐHĐN. Khi có Quyết định cho phép học CTĐT thứ hai thì sinh viên mới được đăng ký các học phần của CTĐT thứ hai.

3. Sau khi có được Quyết định cho phép học thêm CTĐT thứ hai:

a) Sinh viên chỉ được hưởng các quyền lợi miễn giảm học phí, học bổng khuyến khích học tập của CTĐT thứ nhất;

b) Sinh viên chỉ được công nhận các học phần đăng ký học ở CTĐT thứ hai khi đảm bảo đủ yêu cầu đăng ký học CTĐT thứ nhất theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Quy định này;

c) Phải đăng ký ít nhất 4 tín chỉ đối với CTĐT thứ hai ở mỗi học kỳ chính. Tổng số tín chỉ tối đa được đăng ký đối với cả hai CTĐT là 35 tín chỉ;

d) Kết quả học tập của sinh viên đối với các học phần học trong mỗi học kỳ được dùng để xét cho cả hai CTĐT;

đ) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới 2,00 hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai;

e) Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho CTĐT thứ nhất, quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này. Khi học CTĐT thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong CTĐT thứ nhất;

g) Sinh viên chỉ được xét công nhận tốt nghiệp CTĐT thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp CTĐT thứ nhất và hoàn thành các yêu cầu của CTĐT thứ hai.

Điều 18. Học liên thông đối với người có văn bằng khác

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và đào tạo, quy định đào tạo của Trường.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác, khi Trường áp dụng thống nhất phương thức đào tạo theo tín chỉ và đã tuyển sinh được tối thiểu 03 khóa theo ngành đào tạo và hình thức đào tạo mà người học lựa chọn.

3. Người học liên thông thực hiện CTĐT và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

4. Hàng năm, Trường quy định và thông báo về tuyển sinh và đào tạo liên thông, gồm: chỉ tiêu tuyển sinh, trình độ người dự tuyển đào tạo liên thông, các ngành của Trường đủ điều kiện đào tạo liên thông, thủ tục tiếp nhận học liên thông. Các thông tin này nằm trong Đề án tuyển sinh và được công bố tại các trang thông tin điện tử của Trường, được gửi cho các cơ quan cấp trên theo quy định.

Điều 19. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Trường các đơn vị của Trường có trách nhiệm phổ biến Quy định này đến toàn thể viên chức trong đơn vị; tổ chức thực hiện theo trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị, cá nhân.
2. Các đơn vị, cá nhân liên quan trong đào tạo trình độ đại học theo hình thức chính quy chịu trách nhiệm phối hợp với Trường trong việc thực hiện Quy định này.
3. Sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy định này.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Phòng Đào tạo tổng hợp trình Hiệu trưởng tổ chức xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định hiện hành.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lưu Trang

